



**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH
VINAWEALTH (VFF)**

ĐIỀU LỆ QUỸ

Tháng 4 năm 2013

MỤC LỤC

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ.....	5
II. CÁC ĐỊNH NGHĨA	5
III. NỘI DUNG CỦA ĐIỀU LỆ.....	8
Chương I: Các Điều Khoản Chung	8
Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ.....	8
Điều 2. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ.....	8
Điều 3. Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ quỹ chào bán	8
Điều 4. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ.....	8
Điều 5. Công ty quản lý quỹ.....	9
Điều 6. Ngân hàng giám sát.....	9
Chương II: Các Quy Định Về Mục Tiêu, Chính Sách Và Hạn Chế Đầu Tư	9
Điều 7. Mục tiêu đầu tư của Quỹ VFF	9
Điều 8. Chiến lược đầu tư	9
Điều 9. Hạn chế đầu tư.....	11
Điều 10. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ.....	12
Điều 11. Phương pháp lựa chọn đầu tư	12
CHƯƠNG III: Nhà Đầu Tư, Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư Và Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ.....	13
Điều 12. Nhà đầu tư và tài khoản Nhà đầu tư	13
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư	14
Điều 14. Sổ đăng ký nhà đầu tư.....	15
Điều 15. Giao dịch chứng chỉ Quỹ	15
Điều 16. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ	18
Điều 17. Giá phát hành lần đầu, giá bán/ phát hành, giá mua lại đơn vị quỹ VFF	19
Điều 18. Thừa kế chứng chỉ Quỹ	20
Chương IV: Đại Hội Nhà Đầu Tư	20
Điều 19. Đại hội nhà đầu tư	20
Điều 20. Quyền và nhiệm vụ của đại hội nhà đầu tư.....	21
Điều 21. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội nhà đầu tư	22
Điều 22. Quyết định của Đại hội nhà đầu tư	22
Điều 23. Phản đối quyết định của đại hội nhà đầu tư	25
Chương V: Ban đại diện quỹ	25
Điều 24. Ban đại diện quỹ	25
Điều 25. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ	26

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện quỹ	26
Điều 27. Chủ tịch Ban đại diện quỹ.....	27
Điều 28. Thủ tục điều hành của Ban đại diện quỹ.....	27
Điều 29. Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban đại diện quỹ.....	28
Điều 30. Cuộc họp Ban đại diện quỹ	28
Chương VI: Công Ty Quản Lý Quỹ	29
Điều 31. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ	29
Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ.....	29
Điều 33. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ	31
Điều 34. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ	31
Chương VII: Ngân Hàng Giám Sát	32
Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát.....	32
Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát	32
Điều 37. Hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát	33
Điều 38. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát.....	36
Chương VIII: Các Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Liên Quan	37
Điều 39. Các hoạt động được ủy quyền	37
Điều 40. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan.....	37
Điều 41. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan.....	37
Điều 42. Trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền	38
Điều 43. Chấm dứt hoạt động ủy quyền	39
Chương IX: Đại lý phân phối, đại lý ký danh	39
Điều 44. Đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ mở.....	39
Điều 45. Hoạt động của đại lý phân phối.....	40
Điều 46. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ.....	40
Chương X: Kiểm Toán, Kế Toán Và Chế Độ Báo Cáo	41
Điều 47. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán	41
Điều 48. Năm tài chính	41
Điều 49. Chế độ kế toán.....	42
Điều 50. Báo cáo tài chính	42
Điều 51. Báo cáo khác.....	42
Chương XI: Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ	42
Điều 52. Xác định giá trị tài sản ròng.....	42
Điều 53. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ.....	43

Điều 54. Quy trình định giá tài sản quỹ	43
Điều 55. Đền bù thiệt hại cho nhà đầu tư, quỹ.....	44
Điều 56. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá	44
Chương XII: Lợi Nhuận Và Chi Phí Quản Lý.....	44
Điều 57. Lợi nhuận của quỹ.....	44
Điều 58. Chi phí hoạt động của quỹ	45
Chương XIII: Tái Cơ Cấu Quỹ	46
Điều 59. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập	46
Điều 60. Các điều kiện tách quỹ.....	46
Điều 61. Các điều kiện giải thể quỹ	46
Chương XIV: Giải Quyết Các Xung Đột Về Lợi Ích.....	47
Điều 62. Kiểm soát xung đột lợi ích.....	47
Chương XV: Công Bố Thông Tin Và Sửa Đổi, Bổ Sung Điều Lệ.....	47
Điều 63. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho nhà đầu tư.....	47
Điều 64. Sửa đổi, bổ sung điều lệ.....	48
Điều 65. Đăng ký điều lệ.....	48
Điều 66. Điều khoản thi hành.....	48
Các Phụ lục Đính Kèm	48
Phụ lục số 1	49
CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	49
Phụ lục số 2	51
CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	51
Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC Việt Nam (HSBC).....	51
Ngân hàng giám sát cam kết:	51
Phụ lục số 3	52
CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	52
VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	52
Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC Việt Nam (HSBC).....	52

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ VFF và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

- Luật Chứng Khoán 70/2006/QH11 do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2007; Luật số 62/2010/QH12 ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ban hành ngày 20 tháng 07 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán.
- Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Bộ Tài Chính về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý quỹ; Quyết định số 125/2008/QĐ-BTC ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ ban hành kèm theo Quyết định 35/2007/QĐ-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2007.
- Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC ngày 05 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài Chính về việc ban hành quy chế thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở;
- Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

"Quỹ hoặc Quỹ VFF"	Là Quỹ Đầu Tư Bảo Thịnh VinaWealth, thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng, được thành lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ quỹ.
"Công Ty Quản Lý Quỹ"	Là Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaWealth (sau đây được gọi tắt là VinaWealth), được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 31/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14/04/2008. Giấy phép điều chỉnh số 33/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20/04/2012 hoặc bất kể Công ty Quản lý Quỹ nào khác được chỉ định thay thế. Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaWealth được uỷ thác quản lý quỹ, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này.
"Ngân hàng giám sát"	Là Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) (sau đây được gọi tắt là "Ngân hàng HSBC") được thành lập theo giấy phép số 235/GP-NHNN, do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 18/UBCK-GCN do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/03/2008 và công văn số 2369/UBCK – QLKD do UBCKNN cấp ngày 17/12/2008 về việc chấp thuận chuyển đổi giấy chứng nhận hoạt động lưu ký cho Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) hoặc bất kỳ ngân hàng giám sát nào được chỉ định thay thế, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan

đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của quỹ do Công ty quản lý quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ này.

“Công ty kiểm toán.”	Là công ty kiểm toán độc lập được phép cung cấp dịch vụ kiểm toán cho Quỹ VFF. Công ty Kiểm toán do Đại hội Nhà Đầu Tư chỉ định.
“Điều lệ quỹ...”	Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).
“Bản cáo bạch”	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và lưu hành chứng chỉ quỹ của Quỹ.
“Hợp đồng giám sát”	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ.
“ Nhà đầu tư”	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ Quỹ.
“Đại hội nhà đầu tư”	Là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
“Ban đại diện quỹ”	Là những người đại diện cho nhà đầu tư được Đại hội nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.
“Vốn điều lệ ban đầu”	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ này. Trong quá trình hoạt động, vốn của Quỹ thay đổi thì Vốn điều lệ của Quỹ sẽ thay đổi tương ứng.
“Đơn vị Quỹ”	Là vốn sổ sách được chia thành nhiều phần bằng nhau. Mệnh giá đơn vị quỹ của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/ đơn vị. Mỗi đơn vị quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.
“Chứng chỉ Quỹ đầu tư VFF”	(Sau đây gọi là Chứng chỉ) là chứng khoán do Công ty quản lý quỹ đại diện cho Quỹ phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị Quỹ của nhà đầu tư đó đang sở hữu.
“Giá bán/Giá phát hành”	Là mức giá nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng); hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cộng thêm phí phát hành đã quy định tại Điều lệ quỹ.
“Giá mua lại”	Là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi phí mua lại chứng chỉ quỹ đã quy định tại Điều lệ quỹ.
“Phí quản lý quỹ”	Là phí phải trả cho Công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ quỹ.
“Phí phát hành/phí mua lại”	Là phí mà nhà đầu tư phải trả khi mua/bán một đơn vị chứng chỉ quỹ.

	Phí phát hành tính theo tỷ lệ phần trăm trên số tiền đăng ký mua và phí mua tính theo tỷ lệ phần trăm trên tổng giá trị mua lại Quy định tại điều lệ này.
“Cổ tức Quý”	Là số lợi nhuận còn lại của Quý sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.
“Năm tài chính”	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quý sẽ được tính từ ngày Quý được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
“Giá trị tài sản ròng của Quý”	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quý sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quý tại ngày trước ngày định giá.
“Ngày định giá”	Là ngày mà Công ty quản lý quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quý theo quy định tại Luật chứng khoán và Điều lệ quỹ.
“Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ T”	Là ngày định giá mà Công ty quản lý quỹ, thay mặt quỹ, phát hành và mua lại chứng chỉ Quỹ.
“Thời điểm đóng sổ lệnh”	Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ nhà đầu tư để thực hiện giao dịch
“Quỹ mở”	Là quỹ đại chúng mà chứng chỉ quỹ đã chào bán ra công chúng phải được mua lại theo yêu cầu của nhà đầu tư.
“Thông tin nội bộ”	Là thông tin liên quan đến công ty đại chúng hoặc quỹ đại chúng chưa được công bố mà nếu được công bố có thể ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán của công ty đại chúng hoặc quỹ đại chúng đó (Khoản 32 Điều 6 Luật Chứng Khoán 70/2006/QH11).
“Người biết thông tin nội bộ”	Được hiểu theo định nghĩa tại Khoản 33 Điều 6 Luật Chứng Khoán 70/2006/QH11)
“Người Có Liên Quan”	Được hiểu theo định nghĩa tại Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng Khoán 70/2006/QH11)
“Giấy tờ có giá”	Giấy tờ có giá là bằng chứng xác nhận nghĩa vụ trả nợ giữa tổ chức phát hành giấy tờ có giá với người sở hữu giấy tờ có giá trong một thời hạn nhất định, điều kiện trả lãi và các điều kiện khác <small>Khoản 8 Điều 6 Luật NGNN Việt Nam số 46/2010/QH12</small>
“Ngày”	Là ngày làm việc theo dương lịch, trừ các ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.
Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư và dịch vụ đại lý chuyển nhượng	Là các dịch vụ được chi tiết tại khoản 27 Điều 2 Thông tư 183/2011/TT-BTC ban hành ngày 16 tháng 12 năm 2012

III. NỘI DUNG CỦA ĐIỀU LỆ

Chương I: Các Điều Khoản Chung

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ

Tên tiếng Việt: Quỹ Đầu Tư Bảo Thịnh VinaWealth

Tên tiếng Anh: **VinaWealth Enhanced Fixed Income Fund**

Tên viết tắt: VFF

Địa chỉ liên hệ:

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ VinaWealth

Lầu 17, Cao ốc SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

Điện thoại: (84 – 8) 3827 8535 Fax: (84- 8) 3827 8536

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

Quỹ VFF là quỹ đại chúng dạng mở mà chứng chỉ quỹ đã chào bán ra công chúng phải được mua lại theo yêu cầu của nhà đầu tư.

Đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán gồm tất cả các nhà đầu tư, là cơ quan quyết định cao nhất của quỹ đầu tư chứng khoán.

Ban đại diện quỹ sẽ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.

Ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ giám sát hoạt động quỹ VFF do công ty quỹ lựa chọn và được đại hội nhà đầu tư thông qua ¹

Điều 3. Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ quỹ chào bán

Vốn Điều lệ ban đầu là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và không thấp hơn 50 tỷ đồng. Mệnh giá của mỗi đơn vị quỹ là 10.000 đồng.

Nhà đầu tư góp vốn bằng tiền Đồng dưới hình thức chuyển khoản hoặc chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân hàng giám sát.

Trong quá trình hoạt động, vốn của Quỹ thay đổi thì điều khoản này thay đổi tương ứng.

Điều 4. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ

Đại diện theo pháp luật của công ty quản lý quỹ VinaWealth được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ.

¹ Khoản 1 điều 35 thông tư 183/2011/TT-BTC

Điều 5. Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ: Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaWealth

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 31/UBCK-GPHĐQLQ được UBCKNN cấp ngày ngày 14 tháng 04 năm 2008. Giấy phép điều chỉnh số 33/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 20/04/2012

Trụ sở chính: Tầng 17 Cao ốc Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam.

Điện thoại: (84 – 8) 3827 8535 Fax: (84 – 8) 3827 8536

Điều 6. Ngân hàng giám sát

Ngân Hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam), Giấy phép thành lập số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số 18/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 18 tháng 03 năm 2008 và công văn số 2369/UBCK – QLKD do UBCKNN cấp ngày 17/12/2008 về việc chấp thuận chuyển đổi giấy chứng nhận hoạt động lưu ký cho Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

Địa chỉ: Tầng 6 Cao ốc Metropolitan, 235 Đồng Khởi, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam.

Điện thoại: (84 – 8) 3829 2288 Fax: (84 – 8) 3823 0530

Chương II: Các Quy Định Về Mục Tiêu, Chính Sách Và Hạn Chế Đầu Tư

Điều 7. Mục tiêu đầu tư của Quỹ VFF

VFF hướng đến tối đa hóa lợi nhuận đầu tư bao gồm lãi và sự tăng trưởng vốn đầu tư chủ yếu thông qua đầu tư vào danh mục trái phiếu và các chứng khoán có thu nhập cố định và thả nổi (phát hành bởi chính phủ, cơ quan thuộc chính phủ), thị trường tiền tệ, trái phiếu doanh nghiệp và chứng từ có giá.

Điều 8. Chiến lược đầu tư

VinaWealth tin rằng thị trường trái phiếu Việt Nam đang phát triển và mang lại cơ hội gia tăng giá trị đầu tư thông qua đội ngũ chuyên viên của công ty. Chúng tôi sẽ khai thác tối đa thế mạnh từ Tập đoàn VinaCapital và đội ngũ chuyên viên đầu tư trái phiếu giàu kinh nghiệm để nắm bắt các cơ hội đầu tư. Chúng tôi áp dụng phương pháp phân tích chắc chắn nhằm tìm kiếm các cơ hội đầu tư tốt nhất với mức rủi ro nhất định.

Cơ hội đầu tư được xác định dựa trên sự kết hợp giữa phương pháp đánh giá từ tổng hợp đến chi tiết và từ chi tiết đến tổng hợp theo quy trình đầu tư thực tiễn và giám sát đầu tư chắc chắn nhằm cơ cấu danh mục đầu tư hiệu quả. Phương pháp đánh giá từ tổng hợp đến chi tiết kết hợp với việc đánh giá các yếu tố vĩ mô giúp quyết định phân bổ danh mục đầu tư của Quỹ VFF vào những tài sản có thể mang lại thu nhập cao nhất. Phương pháp đánh giá từ chi tiết đến tổng hợp kết hợp với nghiên cứu và đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, xem xét các mối liên hệ trong quá khứ giúp tìm kiếm những tài sản bị định giá thấp và tâm lý thị trường đối với yếu tố cung cầu nhằm xác định cơ hội đầu tư tốt nhất.

Việc xác định cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ VFF gồm 4 bước: tập trung vào kỳ hạn, xác định đường cong lãi suất, phân bổ ngành và lựa chọn tổ chức phát hành. Chúng tôi sẽ thường xuyên xem xét các yếu

tổ cơ bản, giá trị và mối quan hệ thị trường nhằm đạt kết quả cao hơn thị trường, giảm thiểu rủi ro và tuân thủ các quy định của quỹ và các quy định về mặt pháp lý.

8.1 Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư: Các sản phẩm tài chính mà Quỹ VFF dự định đầu tư sẽ bao gồm nhưng không giới hạn:

- a) Trái phiếu Chính phủ hoặc có bảo lãnh của Chính phủ;
- b) Trái phiếu doanh nghiệp Nhà nước hoặc bán doanh nghiệp Nhà nước;
- c) Trái phiếu công ty;
- d) Trái phiếu chuyển đổi;
- e) Tiền gửi ngân hàng tại Việt nam;
- f) Các công cụ thị trường tiền tệ;
- g) Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về Ngân hàng.

8.2 Cơ cấu đầu tư: tài sản của Quỹ VFF dự kiến sẽ được đầu tư theo tỉ lệ sau:

STT	Loại tài sản	Dự kiến
1	Trái phiếu chính phủ và phiếu của các tổ chức của chính phủ hay được chính phủ bảo lãnh.	50% – 100%
2	Thị trường tiền tệ, trái phiếu doanh nghiệp và giấy tờ có giá.	0% – 50%

Cơ cấu tài sản đầu tư nói trên là cơ cấu mục tiêu, tùy tình hình thị trường công ty Quản lý quỹ sẽ thay đổi cơ cấu đầu tư cho phù hợp với chiến lược đầu tư để đạt được mục tiêu đầu tư của Quỹ VFF.

8.3 Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư: sau đây là những tài sản mà quỹ được phép đầu tư:

- a) Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật;
- b) Công cụ thị trường tiền tệ, ngoại tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định trong lĩnh vực ngân hàng;
- c) Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d) Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
- e) Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
- f) Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;

Trường hợp quỹ đầu tư vào tài sản theo quy định tại điểm e khoản 3 phải được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại (mã) trái phiếu, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện. Đồng thời phải

có cam kết của tổ chức phát hành hoặc tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng, kể từ ngày thực hiện giao dịch.

Công ty quản lý quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ quy định tại điểm a, b Khoản 03 Điều 08 phát hành tại các ngân hàng trong danh sách đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt bằng văn bản.

Điều 9. Hạn chế đầu tư

9.1 Vốn và tài sản của Quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các quy định sau:

- a) Cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ phải bao gồm ít nhất tám mươi phần trăm (80%) trái phiếu, và giấy tờ có giá, đồng thời phải bảo đảm:
- b) Không được đầu tư quá bốn mươi chín (49%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 8 của Điều lệ quỹ này;
- c) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e và f khoản 3 Điều 8 của Điều lệ quỹ này, phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại có liên quan;
- d) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu, cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
- e) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;
- f) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 2 Điều này;
- g) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của quỹ;
- h) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;
- i) Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

9.2 Trừ trường hợp quy định tại điểm h, i, j khoản 1 Điều này, cơ cấu đầu tư của quỹ mở được phép sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế quy định tại khoản 1 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:

- a) Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;

- b) Do phải thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của quỹ;
- c) Do thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư.
- d) Do hoạt động hợp nhất, sáp nhập, thu tóm các tổ chức phát hành;
- e) Do quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;
- f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.
- g) Do các tài sản của Quỹ chuyển đổi như trái phiếu chuyển đổi chuyển thành cổ phiếu theo điều khoản chuyển đổi và/ hoặc các khoản đáo hạn của chứng khoán theo quyết định của tổ chức phát hành.

9.3 Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh.

9.4 Trường hợp công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày sai lệch phát sinh. Trong trường hợp này, Công ty quản lý quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.

Điều 10. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ

10.1 Công ty quản lý quỹ không được

- a) Sử dụng vốn và tài sản của quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Điều lệ này.
- b) Vay để tài trợ cho hoạt động của quỹ, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho quỹ. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
- c) Sử dụng tài sản của quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

Điều 11. Phương pháp lựa chọn đầu tư

11.1 Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các công cụ thị trường tiền tệ, giấy tờ có giá.

Lựa chọn các công cụ thị trường tiền tệ có kỳ hạn hợp lý nhất cân đối giữa mức độ rủi ro và lợi nhuận, thay đổi phù hợp với điều kiện thị trường thực tế.

11.2 Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với công cụ nợ và trái phiếu.

Lựa chọn các công cụ nợ có kỳ hạn hợp lý nhất cân đối giữa mức độ rủi ro và lợi nhuận, thay đổi phù hợp với đường cong lãi suất.

CHƯƠNG III: Nhà Đầu Tư, Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư Và Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ

Điều 12. Nhà đầu tư và tài khoản Nhà đầu tư

12.1 Nhà đầu tư của Quỹ có thể là pháp nhân, cá nhân trong và ngoài nước. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu. Nhà đầu tư pháp nhân bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư pháp nhân ký. Hạn chế về tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư nước ngoài sẽ tuân theo quy định của pháp luật hiện hành từng thời điểm.

12.2 Đối với nhà đầu tư lần đầu giao dịch chứng chỉ quỹ, công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, hoặc đại lý phân phối phải tổng hợp thông tin nhận biết nhà đầu tư, người được hưởng lợi (nếu có) và mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư trên cơ sở giấy đề nghị đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ do Công ty Quản lý Quỹ và/ hoặc Đại lý Phân phối, Đại lý ký danh cung cấp:

- a) Tài khoản của chính mình, đứng tên chủ sở hữu là nhà đầu tư (gọi tắt là tài khoản của nhà đầu tư theo quy định);
- b) Tiểu khoản giao dịch trên tài khoản đứng tên của Đại lý ký danh theo quy định (gọi tắt là tiểu khoản của nhà đầu tư).

12.3 Trước khi ký hợp đồng cung cấp dịch vụ và mở tài khoản, tiểu khoản giao dịch cho nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thực hiện hoặc yêu cầu tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Đại lý ký danh, Đại lý phân phối tổng hợp và thẩm định thông tin nhận biết nhà đầu tư theo các nội dung quy định. Trường hợp yêu cầu thông tin về nhà đầu tư không được đáp ứng, công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, đại lý phân phối có quyền từ chối không mở tài khoản, tiểu khoản cho nhà đầu tư.

12.4 Tài khoản, tiểu khoản của nhà đầu tư bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Số tài khoản giao dịch/ số tiểu khoản giao dịch;
- b) Số lượng đơn vị quỹ;
- c) Số lượng đơn vị quỹ tăng/giảm, lý do việc tăng/giảm;
- d) Các thông tin cá nhân khác của nhà đầu tư theo quy định.

12.5 Việc quản lý tài khoản của nhà đầu tư, tài khoản ký danh phải bảo đảm nguyên tắc sau:

- a) Công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải mở, quản lý tài khoản độc lập, tách biệt tới từng đại lý ký danh và từng nhà đầu tư. Đại lý phân phối có trách nhiệm cập nhật thông tin về các hoạt động mở, đóng tài khoản của nhà đầu tư cho công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;
- b) Đại lý ký danh phải mở, quản lý tiểu khoản giao dịch độc lập, tách biệt tới từng nhà đầu tư, và có trách nhiệm cập nhật thông tin mở, đóng các tiểu khoản cho công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan. Tổng số dư trên các tiểu khoản phải luôn khớp với số dư trên tài khoản ký danh, số dư trên từng tiểu khoản phải khớp với số liệu sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư đó tại sổ chính;

- c) Đại lý ký danh phải cung cấp thông tin về tiểu khoản của từng nhà đầu tư cho công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan; thường xuyên đối chiếu, soát xét bảo đảm số dư trên tiểu khoản phù hợp với số liệu, thực trạng sở hữu của nhà đầu tư đó tại sổ chính. Quy định này không áp dụng đối với đại lý ký danh ở nước ngoài.

12.5 Công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, đại lý ký danh có trách nhiệm cung cấp sao kê tài khoản, tiểu khoản trong thời hạn hai (02) ngày kể từ ngày có yêu cầu bằng văn bản của nhà đầu tư.

12.6 Trước khi mở tài khoản, tiểu khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, nhà đầu tư nước ngoài, phải đăng ký mã số giao dịch chứng khoán theo quy định về hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành. Quy định tại khoản này không áp dụng đối với nhà đầu tư ở ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện giao dịch thông qua tài khoản ký danh của đại lý ký danh ở nước ngoài.

12.7 Trước khi mở tài khoản ký danh, đại lý ký danh ở nước ngoài phải đăng ký mã số giao dịch chứng khoán theo quy định về hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.

12.8 Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng, đại lý ký danh phải cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác mã số giao dịch chứng khoán và trạng thái sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài và cung cấp kịp thời và đầy đủ cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu bằng văn bản. Quy định này không áp dụng cho đại lý ký danh ở nước ngoài mở tài khoản ký danh theo quy định tại khoản 7 Điều này.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

13.1 Nhà đầu tư có quyền:

- a) Hưởng lợi nhuận từ hoạt động đầu tư của quỹ tương ứng với số lượng đơn vị quỹ nắm giữ;
- b) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản quỹ;
- c) Yêu cầu công ty quản lý quỹ thay mặt quỹ mua lại chứng chỉ quỹ hoặc chuyển đổi chứng chỉ quỹ theo đúng quy định của Điều lệ;
- d) Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội nhà đầu tư;
- e) Tự ứng cử và/ hoặc đề cử thành viên Ban đại diện quỹ nếu đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại điều khoản 1 Điều 25 của Điều lệ này;
- f) Các quyền khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ.

13.2 Nhà đầu tư có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Tuân thủ Điều lệ quỹ, chấp hành quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
- b) Hoàn tất việc thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ;

- c) Điền đầy đủ và hợp lệ các phiếu đăng ký ,phiếu lệnh và cung cấp các chứng từ cần thiết khi thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ và/ hoặc các giao dịch khác theo quy định tại Điều lệ quỹ hoặc theo quy định của pháp luật.
- d) Kịp thời cập nhật cho công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và đại lý phân phối có liên quan những thay đổi thông tin cá nhân của nhà đầu tư.
- e) Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ.

Điều 14. Sổ đăng ký nhà đầu tư

14.1. Công ty quản lý quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan lập sổ đăng ký nhà đầu tư chính (sổ chính) hoặc đại lý ký danh lập, quản lý sổ phụ và xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư.

14.2. Sổ chính, sổ phụ phải có các thông tin sau:

- a) Đối với cá nhân: Họ và tên của nhà đầu tư; số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực; Địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có);
Đối với tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch chứng chỉ quỹ;
- b) Số tài khoản; hoặc Số tiểu khoản kèm theo Số tài khoản ký danh; Mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với nhà đầu tư nước ngoài);
- c) Số lượng đơn vị quỹ sở hữu; ngày đăng ký sở hữu (vào Sổ chính).

14.3. Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng nhà đầu tư, kể cả nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của nhà đầu tư trên Sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Quyền sở hữu của nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của nhà đầu tư được cập nhật tại Sổ chính..

Điều 15. Giao dịch chứng chỉ Quỹ

15.1 Quy định chung về giao dịch chứng chỉ quỹ VFF

15.1.1 Sau thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực, công ty quản lý quỹ phải tổ chức giao dịch chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức định kỳ và được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt. Tần suất giao dịch không ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

15.1.2 Lệnh giao dịch phải được gửi tới đại lý phân phối đã công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt hoặc đã công bố tại trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, hoặc được gửi tới công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan. Công ty quản lý quỹ, hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải thiết lập hệ thống tiếp nhận lệnh giao dịch bảo đảm nhà đầu tư tại Việt Nam có thể đăng ký

giao dịch tại mọi đại lý phân phối đã được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt hoặc đã công bố tại trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ.

15.1.3 Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của nhà đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo đúng qui định. Phiếu lệnh phải được đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Trường hợp nhận lệnh giao dịch của nhà đầu tư qua Internet, điện thoại, fax đại lý phân phối phải tuân thủ các quy định pháp luật về giao dịch điện tử và chứng khoán, đồng thời phải bảo đảm:

- a) Ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ nhà đầu tư;
- b) Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, thì phải xác nhận lại với nhà đầu tư trước khi thực hiện, đồng thời yêu cầu nhà đầu tư cung cấp phiếu lệnh gốc có chữ ký của nhà đầu tư để lưu giữ bằng chứng chứng minh về việc đặt lệnh của nhà đầu tư. Thời gian cung cấp phiếu lệnh gốc do công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối quy định trong quy trình giao dịch.

15.1.4 Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan chỉ thực hiện các lệnh nhận được trước thời điểm đóng sổ lệnh. Các lệnh nhận sau thời điểm đóng sổ lệnh ngày T-1 cho đến hết ngày giao dịch T sẽ bị hủy.

15.1.5 Trong thời hạn ba (03) ngày, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, đại lý ký danh có trách nhiệm cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của nhà đầu tư tại sổ chính và gửi nhà đầu tư bản xác nhận giao dịch theo đúng quy định.

15.1.6 Thời điểm đóng sổ lệnh không muộn quá 10 giờ 30 sáng tại ngày gần nhất trước ngày giao dịch chứng chỉ quỹ và được công bố công khai tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt.

15.1.7 Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và đại lý ký danh phải có sổ lệnh lưu trữ đầy đủ thông tin về các lệnh giao dịch chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư theo đúng quy định.

15.1.8 Trường hợp công ty quản lý quỹ có từ hai quỹ mở và có quy định tại điều lệ các quỹ và Bản cáo bạch, nhà đầu tư được chuyển đổi quỹ. Lệnh chuyển đổi được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- a) Lệnh bán đối với chứng chỉ quỹ bị bán được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện lệnh mua chứng chỉ của quỹ mục tiêu;
- b) Các lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch chứng chỉ của các quỹ tương ứng;
- c) Nhà đầu tư chỉ phải thanh toán phí chuyển đổi theo quy định tại Điều lệ quỹ và/ hoặc Bản cáo bạch, không phải thanh toán phí mua, phí bán đối với các lệnh thực hiện theo quy định tại điểm a, b khoản này.

15.1.9 Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch chứng chỉ quỹ mở mà công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các nhà đầu tư khác theo quy định.

15.1.10 Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm phối hợp với các đại lý cung cấp dịch vụ xây dựng quy trình và thủ tục thực hiện các lệnh mua, bán, chuyển đổi, thời điểm đóng sổ lệnh, phương thức thanh toán

theo đúng qui định và được công bố trong Bản cáo bạch và/ hoặc qui trình giao dịch đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt.

15.1.11 Giá trị mua tối thiểu, số lượng đăng ký bán tối thiểu và số lượng chứng chỉ tối thiểu duy trì trong tài khoản sẽ do công ty Quản lý quỹ quy định và được quy định và công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt của Quỹ.

15.2 Lệnh mua chứng chỉ

15.2.1 Việc thực hiện lệnh mua của nhà đầu tư, đại lý ký danh phải tuân thủ nguyên tắc sau:

- a) Lệnh mua được gửi kèm theo tài liệu hợp lệ xác nhận việc nhà đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của quỹ hoặc được Ngân hàng giám sát xác nhận theo quy định tại điểm c khoản này. Đại lý ký danh thực hiện thanh toán trên cơ sở giá trị chênh lệch giữa lệnh mua và lệnh bán, thời hạn thanh toán thực hiện theo quy định tại hợp đồng giữa tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng và đại lý ký danh;
- b) Nhà đầu tư thanh toán chuyển khoản giao dịch mua chứng chỉ quỹ trực tiếp vào các tài khoản của quỹ mà không thanh toán vào tài khoản khác của đại lý phân phối;
- c) Ngân hàng giám sát xác nhận với VinaWealth, đại lý phân phối hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc đã nhận đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, đại lý ký danh;
- d) Giá trị giao dịch của lệnh mua phải không nhỏ hơn giá trị mua tối thiểu quy định tại Điều lệ quỹ và đã được công bố tại Bản cáo bạch;
- e) Số lượng đơn vị quỹ bán cho nhà đầu tư hoặc đại lý ký danh có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

15.2.2 VinaWealth mở tài khoản tiền của quỹ tại Ngân hàng giám sát để nhận tiền thanh toán mua chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, đại lý ký danh. Đại lý ký danh mở tài khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ mở tại Ngân hàng giám sát theo quy định để nhận tiền gửi thanh toán giao dịch của nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh.

15.2.3 Tiền mua chứng chỉ quỹ được chuyển vào tài khoản tiền của quỹ đặt tại Ngân hàng giám sát và chỉ được giải ngân để đầu tư sau ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm thanh toán lãi suất cho quỹ, tối thiểu bằng lãi suất không kỳ hạn, cho kỳ hạn kể từ ngày quỹ nhận được tiền mua chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư.

15.3 Lệnh bán chứng chỉ

15.3.1 Việc thực hiện lệnh bán của nhà đầu tư hoặc đại lý ký danh phải tuân thủ nguyên tắc sau:

- a) Lệnh bán chỉ được thực hiện khi công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối, đại lý ký danh hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan bảo đảm nhà đầu tư có đủ số lượng đơn vị quỹ để bán theo yêu cầu, và số lượng đơn vị quỹ còn lại sau giao dịch của nhà đầu tư không thấp hơn số lượng tối thiểu (nếu có) để duy trì tài khoản, tiểu khoản quy định tại Điều lệ quỹ và đã được công bố tại Bản cáo bạch;
- b) Lệnh bán có thể không thực hiện, hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Điều lệ quỹ;

- c. Việc thanh toán thực hiện dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản của nhà đầu tư hoặc đại lý ký danh có liên quan;
- d. Thời hạn thanh toán không quá bảy (07) ngày, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 Điều lệ quỹ và sau khi được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản, việc thanh toán có thể chậm hơn nhưng không quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.

15.3.2 Trong thời hạn ba (03) ngày, kể từ ngày nhận được thanh toán theo quy định tại điểm d khoản 15.3.1 như trên, đại lý ký danh có trách nhiệm hoàn tất việc thanh toán cho nhà đầu tư.

15.3.3 VinaWealth được chuyển giao một phần danh mục đầu tư thay cho việc thanh toán bằng tiền cho nhà đầu tư. Việc chuyển giao danh mục đầu tư phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a. Chỉ thực hiện khi công ty quản lý quỹ xét thấy là cần thiết để không ảnh hưởng tiêu cực tới giá trị tài sản ròng của quỹ. Việc thực hiện phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban đại diện quỹ và phải báo cáo đại hội nhà đầu tư gần nhất;
- b. Được nhà đầu tư (bên nhận chuyển giao) chấp thuận bằng văn bản;
- c. Chỉ thực hiện đối với lệnh bán có tổng giá trị thanh toán tối thiểu năm mươi (50) tỷ đồng;
- d. Cơ cấu danh mục chuyển giao cho nhà đầu tư phải hoàn toàn giống cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ, bảo đảm sự phù hợp về loại tài sản, cơ cấu và tỷ trọng tài sản có trong danh mục đầu tư của quỹ.

15.3.4 Ngân hàng giám sát có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận đảm bảo việc chuyển giao danh mục đầu tư phù hợp với quy định tại khoản 15.3.3 Điều này.

Điều 16. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ

16.1 Công ty quản lý quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư một trong các trường hợp sau:

- a) Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ lớn hơn mười phần trăm (10%) giá trị tài sản ròng của quỹ; hoặc
- b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của nhà đầu tư dẫn tới:
 - Giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng; hoặc
 - Giá trị phần đơn vị quỹ hoặc số đơn vị quỹ còn lại trên tài khoản của nhà đầu tư thấp hơn giá trị tối thiểu hoặc số lượng đơn vị quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của nhà đầu tư đã được quy định tại và công bố tại Bản cáo bạch hoặc
 - Giá trị tài sản ròng còn lại hoặc số đơn vị quỹ còn lại của quỹ thấp hơn giá trị tài sản ròng tối thiểu hoặc số đơn vị quỹ lưu hành tối thiểu đã được quy định và công bố tại Bản cáo bạch; hoặc
 - Số lượng đơn vị quỹ lưu hành vượt quá khối lượng tối đa (nếu có) theo quyết định của Ban đại diện quỹ và được công bố tại Bản cáo bạch.

16.2 Đối với việc mua lại phần còn lại của lệnh bán, lệnh chuyển đổi đối với các lệnh đã đáp ứng một phần theo quy định tại khoản 1 Điều này, công ty quản lý quỹ được áp dụng một trong hai nguyên tắc sẽ được công bố tại Bản cáo bạch như sau:

- a) Theo nguyên tắc ưu tiên về thời gian: lệnh chuyển tới công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan hoặc đại lý phân phối trước thì được thực hiện trước; hoặc
- b) Theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ: phần lệnh chưa thực hiện được ghép cùng với các lệnh tới sau để thực hiện, bảo đảm tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch là như nhau.

16.3 Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, công ty Quản lý quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán, nhưng không vượt quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.

16.4 Chứng chỉ quỹ mở có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a) Công ty quản lý quỹ không thể thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ mở theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
- b) Công ty quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ mở vào ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;
- c) Theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi xét thấy là cần thiết.

16.5 Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ban đại diện quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.

16.6 Thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ thực không được kéo dài quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất.

16.7 Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại khoản 6 Điều này, công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.

16.8 Trong thời hạn triệu tập đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ chấm dứt, công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập đại hội nhà đầu tư.

Điều 17. Giá phát hành lần đầu, giá bán/ phát hành, giá mua lại đơn vị quỹ VFF

17.1 Giá phát hành lần đầu của một đơn vị quỹ mở do công ty quản lý quỹ quy định và đã được công bố tại Bản cáo bạch.

17.2 Giá bán/ phát hành một đơn vị quỹ, tức là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán cho công ty quản lý quỹ, bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ cộng với phí phát hành.

17.3 Giá mua lại một đơn vị quỹ, tức là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư, được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, trừ đi phí mua lại.

17.4 Phí mua lại, phí phát hành, phí chuyển đổi có thể được quy định với các mức khác nhau, căn cứ vào thời hạn nắm giữ chứng chỉ quỹ, mục tiêu đầu tư, hoặc giá trị khoản đầu tư. Các mức phí này được Công ty Quản lý Quỹ quy định và công bố tại Bản cáo bạch. Phí phát hành và phí mua lại quy định chi tiết trong bản cáo bạch của Quỹ không được vượt quá mức tối đa theo quy định của pháp luật.

17.5 Ngoại trừ các khoản phí do quỹ phải trả theo quy định tại Điều lệ quỹ, phí phát hành, phí mua lại (nếu có), phí chuyển đổi (nếu có) theo quy định tại Điều lệ quỹ và được công bố tại Bản cáo bạch, nhà đầu tư không phải trả bất kỳ các khoản phí nào khác cho quỹ, công ty quản lý quỹ, tổ chức được ủy quyền, đại lý phân phối khi giao dịch chứng chỉ quỹ.

17.6 Việc tăng các mức phí chỉ được thực hiện khi mức phí sau khi tăng không vượt quá các mức quy định tại khoản 4 Điều này. Thời điểm áp dụng mức phí mới tăng sớm nhất là **chín mươi (90) ngày** kể từ ngày Bản cáo bạch, được cập nhật các nội dung thay đổi và được công bố trên phương tiện công bố thông tin của Công ty Quản lý quỹ và/ hoặc Tổ chức phân phối. Thời điểm công bố thông tin liên quan đến Bản cáo bạch sửa đổi là ngày thứ 16 kể từ ngày nộp bản cáo bạch cập nhật cho UBCKNN và không nhận được ý kiến phản đối bằng văn bản của UBCKNN.

17.7 Toàn bộ phí phát hành lần sau thu được sau khi thanh toán chi phí hoa hồng cho đại lý phân phối và đại lý ký danh căn cứ trên hợp đồng phân phối, phần còn lại sẽ được chuyển vào tài khoản của quỹ và là tài sản của quỹ.

17.8 Trường hợp chứng chỉ quỹ được phân phối bởi công ty Quản lý quỹ thì toàn bộ phí phát hành và/ hoặc phí mua lại Chứng chỉ quỹ VFF sẽ được chuyển cho công ty Quản lý quỹ.

Điều 18. Thừa kế chứng chỉ Quỹ

Việc thừa kế chứng chỉ quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.

Công ty quản lý quỹ sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong sổ đăng ký nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.

Việc chuyển nhượng chứng chỉ quỹ do thừa kế sẽ tuân theo quy trình chuyển nhượng phi thương mại của Đại lý chuyển nhượng.

Chương IV: Đại Hội Nhà Đầu Tư

Điều 19. Đại hội nhà đầu tư

19.1 Đại hội nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ đầu tư và tất cả các nhà đầu tư có tên trong danh sách chốt quyền tham dự đại hội đều có quyền tham dự đại hội nhà đầu tư.

19.2 Đại hội nhà đầu tư hàng năm do Công ty Quản lý Quỹ triệu tập trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Việc họp đại hội nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản nếu có sự đồng ý của Ban đại diện quỹ và không liên quan đến một trong những vấn đề sau: thay đổi chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ; phương án phân phối lợi nhuận; tăng mức phí trả cho công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát; thay đổi công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; sáp nhập quỹ, hợp nhất quỹ, sửa đổi bổ sung Điều lệ quỹ và/ hoặc hợp đồng giám sát.

19.3 Đại hội nhà đầu tư bất thường được triệu tập trong các trường hợp sau:

- a) Công ty quản lý quỹ, hoặc Ngân hàng giám sát, hoặc Ban đại diện quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của quỹ;
- b) Theo yêu cầu của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 10% tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành trong vòng ít nhất sáu (06) tháng liên tục tính tới thời điểm triệu tập đại hội;

19.4 Việc tổ chức họp bất thường đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều này phải được thực hiện trong vòng 30 ngày kể từ ngày Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường đại hội nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường đại hội nhà đầu tư.

Điều 20. Quyền và nhiệm vụ của đại hội nhà đầu tư

Quyền và nhiệm vụ của đại hội nhà đầu tư bao gồm

- a) Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ, Hợp đồng giám sát;
- b) Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, phương án phân phối lợi nhuận, mục tiêu đầu tư của Quỹ;
- c) Thay đổi mức phí trả cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát; Thay đổi Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát;
- d) Sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ; Giải thể quỹ;
- e) Tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ; tách quỹ;
- f) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện quỹ;
- g) Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của quỹ;
- h) Thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của quỹ.
- i) Xem xét và xử lý vi phạm của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát và Ban đại diện quỹ gây tổn thất cho quỹ;
- j) Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư thỏa mãn điều kiện quy định tại điểm b khoản 3 điều 19 của điều lệ này có quyền yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát trình sổ sách hoặc giấy tờ

giao dịch tại đại hội nhà đầu tư. Yêu cầu phải được gửi đến Ban đại diện quỹ và công ty quản lý quỹ ít nhất 15 ngày trước khi diễn ra đại hội.

Điều 21. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội nhà đầu tư

21.1 Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của đại hội nhà đầu tư phải được thông báo công khai cho nhà đầu tư và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tối thiểu ít nhất 15 ngày trước khi tiến hành đại hội.

21.2 Nhà đầu tư có thể trực tiếp tham dự đại hội nhà đầu tư hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc các hình thức khác.

21.3 Cuộc họp đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất 51% tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành.

21.4 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 3 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp đại hội nhà đầu tư được tiến hành không lệ thuộc vào số nhà đầu tư tham dự.

21.5 Thể thức, hình thức họp Đại hội nhà đầu tư.

- a) Đại hội Nhà đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc không tập trung bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản.
- b) Đại hội Nhà đầu tư sẽ do Chủ tịch Ban đại diện quỹ chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì Phó Chủ tịch Ban đại diện quỹ hoặc các thành viên còn lại của Ban đại diện quỹ chỉ định một thành viên đứng ra chủ trì.

21.6 Tất cả cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ ở trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ.

21.7 Thể thức, hình thức họp của đại hội nhà đầu tư do Ban đại diện quỹ quyết định và phù hợp với các quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán.

Điều 22. Quyết định của Đại hội nhà đầu tư

22.1 Mỗi đơn vị quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho quỹ được quyền tham gia Đại hội nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết.

22.2 Đại hội nhà đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết và lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Điều lệ quỹ.

22.3 Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản theo quy định tại khoản 2 điều 19 của Điều lệ này:

- a) Ban đại diện quỹ có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Cổ Đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Nhà đầu tư.

- b) Ban đại diện quỹ phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng Nhà đầu tư;
- c) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty, Quỹ.
 - Mục đích lấy ý kiến;
 - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của Nhà đầu tư là tổ chức; số lượng Chứng chỉ Quỹ của từng loại và số phiếu biểu quyết của Nhà đầu tư;
 - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Thời hạn phải gửi về công ty quản lý quỹ phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Ban đại diện quỹ và Người đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý quỹ.
- d) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Nhà đầu tư là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Nhà đầu tư là tổ chức.
- e) Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;
- f) Ban đại diện quỹ phải thành lập ban kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ngân hàng Giám sát hoặc Công ty kiểm toán của Quỹ. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty, Quỹ;
 - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - Số Nhà đầu tư với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo Phụ lục danh sách Nhà đầu tư tham gia biểu quyết;
 - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - Các quyết định đã được thông qua;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Ban đại diện quỹ và Người đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý quỹ.
- g) Các thành viên Ban đại diện quỹ và Người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
- h) Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên phương tiện công bố thông tin của công ty quản lý quỹ và của UBCKNN trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
- i) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty quản lý Quỹ;

22.4 Quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

- a) Được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 51% tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết; và
- b) Tổng số phiếu biểu quyết thông qua theo quy định tại điểm a khoản này không ít hơn 30% tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm biểu quyết.

22.5 Đối với các nội dung quy định tại khoản b, c và d Điều 20 điều lệ này, Quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

- a) Được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 75% tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết; và
- b) Tổng số phiếu biểu quyết thông qua theo quy định tại điểm a khoản này không ít hơn 51% tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm biểu quyết.

22.6 Trường hợp cuộc họp Đại hội nhà đầu tư tổ chức theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này, đồng thời, số nhà đầu tư tham dự Đại hội đại diện cho dưới 51% tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành, quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi đáp ứng điều kiện tương ứng quy định tại điểm a khoản 4 hoặc điểm a khoản 5 Điều này.

22.7 Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua nếu được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các nhà đầu tư tham gia biểu quyết chấp thuận.

22.8 Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ và Ngân hàng giám sát có trách nhiệm xem xét đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội nhà đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ quỹ.

22.9 Trường hợp quyết định không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ, thì phải tổ chức họp lại đại hội nhà đầu tư để lấy lại ý kiến hoặc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản.

22.10 Trong vòng bảy (07) ngày sau khi kết thúc Đại hội nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm lập Biên bản và Nghị quyết Đại hội và gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 23. Phản đối quyết định của đại hội nhà đầu tư

Nhà đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư về một số các nội dung quy định tại khoản b, c và d Điều 20 có quyền yêu cầu công ty quản lý quỹ mua lại chứng chỉ quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ khác của công ty quản lý quỹ mà có cùng chính sách đầu tư. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của nhà đầu tư, số lượng đơn vị quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ có cùng chính sách đầu tư do công ty quản lý. Yêu cầu phải được nhà đầu tư gửi cho Công ty quản lý quỹ, Đại lý ký danh trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp đại hội nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này đối với các yêu cầu của nhà đầu tư được gửi tới trụ sở của công ty quản lý quỹ, đại lý ký danh. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng xác định tại ngày họp đại hội nhà đầu tư và nhà đầu tư không phải thanh toán phí mua lại, phí chuyển đổi.

Chương V: Ban đại diện quỹ

Điều 24. Ban đại diện quỹ

24.1 Ban đại diện quỹ có từ ba (03) thành viên đến năm (05) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba số thành viên Ban đại diện quỹ là thành viên độc lập không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát. Nhiệm kỳ của Ban đại diện quỹ là ba (03) năm, các thành viên Ban đại diện quỹ có thể được tái bổ nhiệm mà không có giới hạn. Ban đại diện nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban đại diện quỹ mới được bầu và tiếp quản công việc.

21.2 Trong Ban đại diện quỹ phải có:

- a) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.
- b) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
- c) Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán.

21.3 Trường hợp cơ cấu Ban đại diện quỹ hoặc có thành viên không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, hoặc thành viên buộc phải từ nhiệm, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi phát hiện sự việc, Ban đại diện quỹ và công ty quản lý quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ cho tới khi đại hội nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.

Điều 25. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ

25.1 Thành viên Ban đại diện quỹ phải phải đáp ứng một trong những điều kiện sau:

- a) Là nhà đầu tư, nhóm nhà đầu tư đại diện ít nhất 10% tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành trong thời gian ít nhất 6 tháng liên tục, hoặc
- b) Chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý kinh tế, tài chính và thị trường vốn được Công ty quản lý quỹ và/ hoặc Ban đại diện quỹ nhiệm kỳ hiện tại đề cử.

25.2 Thành viên Ban đại diện quỹ không nhất thiết phải sở hữu chứng chỉ quỹ.

25.3 Nếu thành viên là Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu có) Ban đại diện thì phải có trình độ quản lý kinh tế, tài chính, am hiểu công việc hoạt động kinh doanh của Quỹ đầu tư.

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện quỹ

26.1 Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện quỹ bao gồm:

- a) Đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của quỹ và nhà đầu tư.
- b) Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng; phê duyệt danh sách các ngân hàng nhận tiền gửi của quỹ, công cụ tiền tệ và các tài sản mà quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm a, b, c khoản 3 Điều 8 Điều lệ này;
- c) Chấp thuận các giao dịch tài sản của quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận, các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch.
- d) Phê duyệt các giao dịch tài sản của quỹ với thành viên Ban đại diện quỹ. Trong trường hợp này, thì thành viên có giao dịch liên quan không được tham gia biểu quyết.
- e) Quyết định mức lợi nhuận phân phối; thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận, hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật.
- f) Đại hội nhà đầu tư ủy quyền, Ban đại diện quỹ được quyết định các vấn đề quy định tại điểm b, e và g Điều 20 Điều lệ này.
- g) Có quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.

26.2 Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ban đại diện quỹ quyết định các vấn đề quy định tại điểm f khoản 1 Điều này, Ban đại diện quỹ, thông qua công ty quản lý quỹ, phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng giám sát biên bản họp và nghị quyết của Ban đại diện quỹ, đồng thời cung cấp thông tin về nội dung quyết định cho nhà đầu tư theo phương thức quy định tại Điều lệ quỹ.

26.3 Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Ban đại diện quỹ tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ và quyết định của Đại hội nhà đầu tư. Trong trường hợp quyết định do Ban đại diện quỹ

thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ quỹ gây thiệt hại cho quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho quỹ; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

26.4 Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban đại diện quỹ được thực hiện theo quy định sau đây:

- a) Thành viên Ban đại diện quỹ được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của đại hội nhà đầu tư. Đại hội nhà đầu tư quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban đại diện quỹ căn cứ vào số ngày dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế thu nhập không thường xuyên của thành viên Ban đại diện quỹ theo quy định của pháp luật liên quan;
- b) Thù lao của Ban đại diện quỹ quy định tại điểm a khoản 4 Điều này đã bao gồm các khoản chi phát sinh khi điều hành và/ hoặc tham gia các buổi họp Ban đại diện quỹ;
- c) Thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện quỹ được tính vào chi phí hoạt động quản lý của quỹ và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của quỹ.

26.5 Quy định tại khoản 26.4 Điều này không áp dụng trong trường hợp thành viên Ban đại diện quỹ đồng thời là nhân sự của công ty quản lý quỹ.

26.6 Nhà đầu tư phản đối quyết định của Ban đại diện quỹ liên quan tới các nội dung quy định tại điểm b, e và g Điều 20 Điều lệ này, có quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ mua lại hoặc chuyển đổi chứng chỉ quỹ trong các trường hợp và theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 23 của Điều lệ này.

Điều 27. Chủ tịch Ban đại diện quỹ

27.1 Các thành viên Ban đại diện quỹ sẽ họp và bầu một thành viên làm Chủ tịch Ban đại diện quỹ theo hình thức đa số. Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.

27.2 Chủ tịch Ban đại diện quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện quỹ;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện quỹ;
- c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện quỹ;
- d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ quỹ.

Điều 28. Thủ tục điều hành của Ban đại diện quỹ

Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện quỹ được Chủ tịch Ban đại diện quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện quỹ. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện quỹ theo nguyên tắc đa số. Việc bầu lại thành viên Ban đại diện quỹ thay thế sẽ được thực hiện tại Đại hội nhà đầu tư thường niên gần nhất.

Điều 29. Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban đại diện quỹ

29.1 Thành viên Ban đại diện quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn đương nhiên trong các trường hợp sau:

- a) Bị khởi tố hoặc truy tố;
- b) Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- c) Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban đại diện quỹ do quy định của luật pháp hoặc của UBCKNN và các cơ quan có thẩm quyền;
- d) Xin từ chức, chết hoặc hết nhiệm kỳ;

29.2 Thành viên Ban đại diện quỹ sẽ bị đình chỉ hoặc bãi miễn trong các trường hợp sau:

- a) Bị cách chức thành viên Ban đại diện quỹ khi có Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
- b) Tiết lộ các bí mật mà những bí mật này đi ngược lại với các lợi ích của Quỹ;
- c) Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng
- d) Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Quỹ.
- e) Không còn đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 25 của Điều lệ này.

29.3 Thủ tục đình chỉ hoặc bãi miễn nhiệm thành viên trong kỳ theo quy định tại điểm b, c, d và e khoản 2 điều này:

- a) Chủ tịch Ban đại diện quỹ hoặc thành viên Ban đại diện quỹ được chỉ định (trường hợp chủ tịch là người vi phạm) triệu tập cuộc họp thành viên Ban đại diện quỹ về những vi phạm của thành viên Ban đại diện quỹ có liên quan.
- b) Ban đại diện quỹ thông qua nội dung bãi miễn nhiệm thành viên vi phạm và công bố thông tin theo quy định.

Điều 30. Cuộc họp Ban đại diện quỹ

30.1 Chủ tịch Ban đại diện quỹ có quyền triệu tập họp Ban đại diện quỹ. Ban đại diện quỹ phải họp ít nhất mỗi quý một lần, trong trường hợp cần thiết có thể triệu tập cuộc họp Ban đại diện quỹ bất thường.

30.2 Cuộc họp Ban đại diện quỹ được tiến hành khi có từ hai phần ba tổng số thành viên trở lên dự họp trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên.

30.3 Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản

30.4 Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua theo nguyên tắc quá bán. Trong trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ban đại diện quỹ. Trong

mọi trường hợp quyết định của Ban đại diện quỹ chỉ được thông quan khi có từ 51% trở lên số thành viên độc lập thông qua.

30.5 Cuộc họp Ban đại diện quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban đại diện quỹ.

Chương VI: Công Ty Quản Lý Quỹ

Điều 31. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ

31.1 Công ty quản lý quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- a) Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý Quỹ;
- b) Độc lập với Ngân hàng giám sát;
- c) Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ;
- d) Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ

32.1 Công ty quản lý quỹ có các nghĩa vụ sau:

- a) Tuân thủ Điều lệ quỹ và pháp luật hiện hành;
- b) Quản lý Quỹ theo quy định của Điều lệ quỹ, chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư được Đại hội nhà đầu tư thông qua;
- c) Công bằng, trung thực và vì lợi ích của quỹ và nhà đầu tư;
- d) Công ty quản lý quỹ quản lý độc lập và tách biệt tài sản của từng quỹ, của công ty quản lý quỹ, của nhà đầu tư ủy thác; công ty quản lý quỹ bảo đảm tách biệt về tổ chức, nhân sự trong hoạt động quản lý quỹ và các hoạt động khác của công ty;
- e) Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định hoặc ủy quyền ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan giá trị tài sản ròng của quỹ và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trên cơ sở giá thị trường, hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
- f) Bồi thường thiệt hại cho Quỹ hoặc Nhà Đầu Tư do Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ nghĩa vụ của mình theo quy định của Điều lệ quỹ;
- g) Bảo đảm việc ủy quyền trách nhiệm cho bên thứ ba và sự thay đổi tổ chức, quản lý của công ty quản lý quỹ không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của quỹ;
- h) Trong trường hợp Ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty quản lý quỹ rằng giao dịch tài sản của Quỹ không tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ quỹ hoặc giao dịch đó vượt quá thẩm quyền của Công ty quản lý Quỹ, Công ty quản lý Quỹ phải hủy bỏ giao dịch đó hoặc thực hiện mua hoặc bán tài sản Quỹ nhằm khôi phục vị thế của Quỹ trước khi có giao dịch đó trong thời gian sớm nhất. Việc khôi phục vị thế phải được tiến hành trong vòng ba (03) tháng

kể từ ngày phát sinh giao dịch trái quy định. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và những tổn thất cho Quỹ (nếu có) do Công ty quản lý Quỹ chịu;

- i) Thiết lập và ban hành quy trình kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, chống rửa tiền, quy tắc đạo đức nghề nghiệp nhằm phòng ngừa mâu thuẫn quyền lợi trong Công ty, giữa Công ty với Quỹ và trong các giao dịch với Người có liên quan;
- j) Thực hiện lệnh của Quỹ trước lệnh của Công ty. Công ty phải phân bổ tài sản giao dịch một cách công bằng, hợp lý khi thực hiện giao dịch cho Quỹ và cho các nhà đầu tư khác;
- k) Cung cấp thông tin đầy đủ và trung thực cho Nhà đầu tư;
- l) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành;
- m) Lưu giữ đầy đủ các chứng từ phản ánh chính xác các lệnh và giao dịch hàng ngày của Quỹ, các nhà đầu tư khác và Công ty quản lý quỹ, bao gồm chứng từ liên quan đến:
 - Hợp đồng phân phối chứng chỉ Quỹ;
 - Giao dịch bán;
 - Giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ, bán thêm chứng chỉ Quỹ;
 - Các giao dịch khác.

32.2 Quyền Công ty quản lý quỹ

- a) Có quyền nhận phí quản lý quỹ và thưởng theo hoạt động phù hợp với quy định của Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và pháp luật hiện hành;
- b) Có quyền hoạt động kinh doanh chứng khoán và cung cấp các dịch vụ có liên quan đến chức năng quản lý quỹ theo quy định pháp luật hiện hành;
- c) Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư như được quy định tại Điều lệ này, do đó thực hiện các quyền biểu quyết tại bất kỳ Đại hội Nhà đầu tư nào mà Quỹ là thành viên;
- d) Tham gia Đại hội Nhà đầu tư theo quy định của Điều lệ quỹ;
- e) Được quyền yêu cầu Nhà đầu tư cung cấp toàn bộ và đầy đủ các thông tin mà Công ty quản lý quỹ cho là cần thiết để xác định nguồn thu nhập, nhân thân của Nhà đầu tư nhằm mục đích tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền của Công ty quản lý quỹ và theo pháp luật hiện hành.
- f) Phê duyệt nội dung sửa đổi, bổ sung trong Bản cáo bạch (ngoại trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội nhà đầu tư và/ hoặc Ban Đại diện quỹ)
- g) Quyết định phí mức phí mua, bán, chuyển đổi chứng chỉ quỹ dựa trên khung phí được quy định trong Điều lệ quỹ.
- h) Quyết định tăng suất, thời gian giao dịch chứng chỉ quỹ đảm bảo không ít hơn 2 lần một tháng.

- i) Yêu cầu thanh lý Quỹ VFF nếu giá trị tài sản ròng của Quỹ thấp hơn mức quy định tại điều điểm d khoản 1 điều 61 của Điều lệ này.

Điều 33. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ

33.1 Công ty quản lý quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với quỹ trong các trường hợp sau:

- a) Theo đề nghị Ban đại diện quỹ sau khi đã được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận;
- b) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
- c) Hợp nhất, sáp nhập với một Công ty quản lý quỹ khác;
- d) Theo quy định tại điểm d khoản 1 điều 61 của Điều lệ này.

33.2 Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với quỹ.

Điều 34. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ

34.1 Công ty quản lý quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu đối với Ngân hàng giám sát của Quỹ.

34.2 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người hành nghề quản lý quỹ của công ty quản lý quỹ không được đồng thời làm việc cho Ngân hàng giám sát của Quỹ.

34.3 Người có liên quan của công ty quản lý quỹ, người hành nghề quản lý quỹ, người làm việc tại công ty quản lý quỹ chỉ được mua, bán các chứng chỉ Quỹ thông qua đại lý chuyển nhượng như một nhà đầu tư thông thường. Trong trường hợp này lệnh của công ty quản lý quỹ sẽ được thực hiện sau lệnh của nhà đầu tư.

34.4 Trừ trường hợp các giao dịch mua, bán quy định tại Khoản 3 Điều này, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, người hành nghề quản lý quỹ, người làm việc tại công ty quản lý quỹ không được là đối tác trong các giao dịch khác với Quỹ.

34.5 Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và các nhân viên của công ty quản lý quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch và phải được quản lý tập trung tại Công ty dưới sự giám sát của bộ phận kiểm soát nội bộ.

34.5 Khi công ty quản lý quỹ giao dịch các tài sản của Quỹ thì thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người hành nghề quản lý quỹ và mọi nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa của công ty quản lý quỹ, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ do một tổ chức thứ ba cung cấp ngoại trừ các khoản phí, thưởng đã được nêu rõ trong Điều lệ quỹ.

34.6 Công ty quản lý quỹ sẽ không được:

- a) Sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Quỹ;

- b) Sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào các Quỹ đại chúng, Công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;
- c) Sử dụng tài sản của công ty, tài sản ủy thác theo danh mục đầu tư do mình quản lý để đầu tư vào Quỹ.
- d) Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay, bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào của công ty, người có liên quan của công ty, hoặc để thanh toán các nghĩa vụ nợ của bản thân công ty, thanh toán các nghĩa vụ nợ của người có liên quan của công ty hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của bất kỳ một đối tác nào.
- e) Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để góp vốn liên doanh, liên kết hoặc đầu tư vào chính Công ty quản lý quỹ, đầu tư vào tổ chức kinh tế là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, tổ chức kinh tế là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Giám đốc, Phó giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc Công ty quản lý quỹ, người hành nghề quản lý quỹ.

34.7 Công ty quản lý quỹ phải kiểm soát và đảm bảo chi phí giao dịch trong các giao dịch tài sản của Quỹ ở mức hợp lý và không cao hơn mức chi phí giao dịch bình quân trên thị trường.

34.8 Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các hạn chế đầu tư trong hoạt động quản lý quỹ quy định tại Điều 9 của Điều lệ này.

Chương VII: Ngân Hàng Giám Sát

Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát là ngân hàng thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán

Thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban điều hành và nhân viên nghiệp vụ không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của quỹ. Ngân hàng giám sát chỉ được là đối tác mua, bán trong giao dịch ngoại hối, hoặc các giao dịch chứng khoán được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát

36.1 Nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát

- a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các nhà đầu tư quỹ;
- b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng ;
- c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ quỹ;
- d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quỹ định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ quỹ;

- e) Tách bạch tài sản của quỹ với tài sản của công ty quản lý quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng giám sát và tài sản của chính Ngân hàng giám sát;
- f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
- g) Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác
- h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến công ty quản lý quỹ và nếu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;
- i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với công ty quản lý quỹ;
- j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ quỹ;
- k) Thanh toán tiền cho nhà đầu tư của Quỹ khi công ty quản lý quỹ thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, hoặc khi quỹ phân chia lợi nhuận hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của điều Lệ;
- l) Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, số chứng chỉ quỹ sở hữu bởi từng người nắm giữ chứng chỉ, tên, địa chỉ, quốc tịch, địa chỉ và các yếu tố nhận dạng khác của người đó và ngay lập tức cập nhật tất cả những thay đổi nếu có;
- m) Phối hợp với công ty quản lý quỹ xây dựng qui trình hoạt động, sổ tay định giá và các qui trình giao dịch có liên quan đến hoạt động lưu ký, giám sát.

36.2 Quyền của Ngân hàng giám sát

- a) Ngân hàng giám sát được hưởng các loại phí cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản quỹ theo Điều lệ quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- b) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện quỹ.
- c) Ngân hàng giám sát được lựa chọn tổ chức tài chính trong và ngoài nước có chức năng lưu ký tài sản làm tổ chức lưu ký các tài sản trong nước và ở nước ngoài của quỹ theo quy định của pháp luật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động ủy quyền này.

Điều 37. Hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát

37.1 Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty quản lý quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân hàng giám sát phải:

- a) Phối hợp với Công ty quản lý quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện công tác xác định

giá tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ.

- b) Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ, bao gồm cả các tài sản không phải là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán; kiểm tra, giám sát các giao dịch tài sản giữa quỹ với công ty quản lý quỹ và người có liên quan. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của pháp luật, Ngân hàng giám sát phải báo cáo ngay cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho Công ty quản lý quỹ trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định;
- c) Giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản quỹ;
- d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ;
- e) Kiểm tra, giám sát các hoạt động khác của Công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 98 Luật Chứng khoán và Điều lệ quỹ.

37.2 Ngân hàng giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ theo đúng quy định.

37.3 Ngân hàng giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ.

37.4 Ngân hàng giám sát có trách nhiệm, rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính của công ty Quản lý quỹ, yêu cầu Công ty quản lý quỹ phối hợp kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của nhà đầu tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, để Ngân hàng giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật.

37.5 Ngân hàng giám sát, bằng chi phí của mình được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện quy định tại khoản 4 Điều này. Ngân hàng giám sát, các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty quản lý quỹ theo yêu cầu của Ngân hàng giám sát, có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi thông tin của Công ty quản lý quỹ, quỹ và nhà đầu tư. Biên bản kiểm tra có xác nhận bởi các bên liên quan và các tài liệu đính kèm phải được cung cấp cho Ban đại diện quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp có yêu cầu bằng văn bản.

37.6 Trường hợp Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư, Ngân hàng giám sát phải phối hợp với Công ty quản lý quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho nhà đầu tư và quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân hàng giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của quỹ, xác định giá trị tài sản

trò của quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.

37.7 Một số quy định khác liên quan đến giới hạn hoạt động và trách nhiệm của Ngân hàng giám sát.

- a) Công Ty Quản lý Quỹ có thể tùy từng thời điểm đặt tiền của Quỹ tại bất kỳ ngân hàng hoặc tổ chức nào khác nếu cho là thích hợp, và ngân hàng giám sát sẽ, khi nhận được và theo chỉ thị phù hợp của Công Ty Quản lý Quỹ, đặt khoản tiền được lưu giữ bởi hoặc theo lệnh của Công Ty Quản lý Quỹ tới ngân hàng hoặc tổ chức đó. Ngay cả với những điều kiện bao gồm ở đây ngân hàng giám sát sẽ không chịu trách nhiệm lưu giữ an toàn số tiền được đặt tại ngân hàng hoặc các tổ chức khác đó và sẽ không có nghĩa vụ đối với bất kỳ sự thất thoát xảy ra do giải thể, phá sản hoặc mất khả năng thanh toán của ngân hàng hoặc tổ chức đó.

Đối với các chứng khoán mà Quỹ mua hoặc thuộc về Quỹ nhưng chưa được lưu ký tại Ngân hàng Giám sát, Ngân hàng giám sát có quyền, hàng tháng xác minh việc đăng ký các chứng khoán này dưới tên của Quỹ. Nếu có Tiền mặt thuộc về Quỹ đã gửi tại các ngân hàng và các tổ chức khác, hàng tháng Ngân hàng giám sát có quyền xác minh khoản Tiền mặt đó được gửi tại tài khoản của Quỹ với ngân hàng và các tổ chức đó. Để Ngân Hàng giám sát có thể thực hiện quyền của mình, Công ty Quản lý Quỹ, trên cơ sở hàng tháng, yêu cầu tổ chức phát hành, các ngân hàng và tổ chức khác gửi xác nhận trực tiếp tới Ngân hàng giám sát, liên quan tới đăng ký của các chứng khoán này dưới tên Quỹ hoặc liên quan tới việc gửi Tiền mặt trong tài khoản của Quỹ, Ngân Hàng giám sát có quyền tin tưởng vào xác nhận của các tổ chức phát hành, ngân hàng và các tổ chức khác và không phải chịu trách nhiệm về bất cứ hành động lừa dối hoặc các thiếu sót hoặc vi phạm của các tổ chức phát hành, ngân hàng và các tổ chức khác đó.

- b) Ngân hàng giám sát sẽ không chịu trách nhiệm tiến hành việc định giá tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của Quỹ mà chỉ có trách nhiệm kiểm tra việc định giá tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ tiến hành. Hơn nữa, nếu những trường hợp nêu dưới đây đối với việc định giá hoặc báo giá được ủy quyền hợp lệ theo các văn bản cấu thành theo luật của Quỹ (bao gồm Bản Cáo Bạch Quỹ, Điều Lệ Quỹ và bất kỳ sửa đổi nào, nghị quyết được thông qua hợp lệ của Ban Đại Diện (“BĐD”) hoặc Đại hội Nhà Đầu tư (“ĐHNĐT”) của Quỹ, ngay cả khi có những chấp thuận hợp lệ này, Ngân hàng Giám sát sẽ không chịu trách nhiệm khi kiểm tra việc định giá của bất kỳ tài sản hoặc nghĩa vụ nợ nào của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ tiến hành trong những trường hợp này.
 - i. Ngân hàng giám sát không thể kiểm tra việc định giá một cách độc lập, hoặc xác nhận giá trị của, bất kỳ tài sản hoặc nghĩa vụ nợ nào của Quỹ sử dụng ít nhất hai nguồn cung cấp giá độc lập; hoặc
 - ii. Ngân hàng giám sát được chỉ thị bởi Quỹ (hoặc BĐD hoặc ĐHNĐT của Quỹ) hoặc Công Ty Quản lý Quỹ sử dụng dịch vụ cung cấp giá tự động, nhà môi giới, nhà tạo lập thị trường, nhà trung gian hoặc các bên thứ ba khác riêng biệt để xác định giá trị của bất kỳ tài sản hoặc nghĩa vụ nợ nào của Quỹ; hoặc

- iii. Ngân hàng giám sát chỉ hoàn toàn dựa trên bất kỳ định giá hoặc thông tin liên quan đến định giá của các tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của các Quỹ mà được cung cấp tới ngân hàng giám sát bởi: (i) BDD của Quỹ hoặc Công Ty Quản lý Quỹ; và/hoặc (ii) bất kỳ tổ chức định giá, đại lý định giá thứ ba, tổ chức trung gian hoặc các bên thứ ba khác mà theo từng trường hợp do BDD của Quỹ hoặc Công Ty Quản lý Quỹ chỉ định hoặc ủy quyền để cung cấp định giá hoặc thông tin liên quan đến định giá các tài sản và nghĩa vụ nợ của Quỹ tới ngân hàng giám sát.

Những điểm ((i), (ii) và (iii) được đề cập sau đây được gọi chung là “Những định giá bị Ảnh hưởng”)

- c) Ngân hàng giám sát sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào gây ra bởi bất kỳ người nào do hậu quả của bất kỳ sự không chính xác, sai sót hoặc trì hoãn nào trong Những Định giá bị Ảnh hưởng hoặc bất kỳ sai sót hệ quả nào trong Giá trị Tài sản ròng của Quỹ.
- d) Quỹ và Công Ty Quản lý Quỹ đồng ý sẽ bồi hoàn cho ngân hàng giám sát đối với mọi khoản nợ, khiếu nại, chi phí, tổn thất hoặc các thiệt hại khác (ngoại trừ xuất phát từ sự gian lận, sơ suất hay bỏ qua có chủ định đối với trách nhiệm của ngân hàng giám sát) mà ngân hàng giám sát có thể gánh chịu tại bất kỳ thời điểm nào do kết quả trực tiếp hoặc gián tiếp của bất kỳ sự không chính xác, sai sót hoặc trì hoãn trong Những Định giá bị Ảnh hưởng.

Điều 38. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát

38.1 Ngân hàng giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

- a) Ngân hàng giám sát tự nguyện chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
- b) Ngân hàng giám sát tạm ngừng, chấm dứt hoạt động, giải thể, tuyên bố phá sản;
- c) Theo đề nghị của công ty quản lý quỹ hoặc Ban đại diện quỹ được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
- d) Quỹ sát nhập hoặc hợp nhất vào một Quỹ khác theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
- e) Ngân hàng giám sát bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Luật Chứng khoán;
- f) Ngân hàng giám sát bị hợp nhất hoặc sát nhập bởi ngân hàng khác.

38.2 Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát chỉ chấm dứt khi hoặc:

- a) Công ty Quản lý quỹ tìm được Ngân hàng giám sát thay thế và được đại hội nhà đầu tư thông qua và toàn bộ nghĩa vụ được chuyển giao cho Ngân hàng giám sát thay thế, hoặc
- b) Quỹ bị giải thể theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 61 của điều lệ này.

Chương VIII: Các Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Liên Quan

Điều 39. Các hoạt động được ủy quyền

Công ty quản lý Quỹ thuê Nhà Cung Cấp Dịch Vụ bên ngoài thực hiện các dịch vụ cho Quỹ theo đúng các điều khoản và quy định trong Bản Điều Lệ này và luật pháp liên quan.

Các hoạt động được ủy quyền bao gồm:

- a) Hoạt động Đại lý chuyển nhượng;
- b) Hoạt động quản trị Quỹ đầu tư;
- c) Các hoạt động khác (khi phát sinh).

Điều 40. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

Nhà Cung Cấp Dịch Vụ cần đạt các điều kiện sau:

- a) Là một trong những tổ chức lớn có kinh nghiệm và uy tín đồng thời phải có năng lực tài chính mạnh và ổn định;
- b) Có đội ngũ nhân lực trong nước có chuyên môn giỏi và kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp;
- c) Có hệ thống công nghệ thông tin và hệ thống dự phòng đầy đủ và đáng tin cậy đảm bảo cung cấp dịch vụ ổn định;
- d) Am hiểu về luật pháp có liên quan tại Việt Nam và quốc tế;
- e) Cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp và có thể đáp ứng yêu cầu thay đổi và mở rộng của Quỹ.
- f) Nhà cung cấp dịch vụ phải sẵn sàng cho hệ thống hoạt động bao gồm hệ thống quy trình chuyên nghiệp, hệ thống báo cáo và hệ thống xét duyệt báo cáo.

Điều 41. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

41.1 Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền;

- a) Hoạt động ủy quyền phải tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ quỹ;
- b) Các hoạt động ủy quyền phải được thực hiện trên cơ sở hợp đồng ủy quyền giữa tổ chức ủy quyền và tổ chức nhận ủy quyền. Hợp đồng ủy quyền phải ghi rõ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên.

41.2 Bên nhận ủy quyền phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

- a) Có đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, chuyên nghiệp, được cấp phép hoặc đăng ký cho hoạt động nhận ủy quyền theo các quy định của pháp luật liên quan. Đối với hoạt động ủy quyền cho Bên cung cấp dịch vụ ở nước ngoài, bên nhận ủy quyền ở nước ngoài phải đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép cho hoạt động nhận ủy quyền, đồng thời chịu sự giám sát bởi cơ quan quản lý giám sát dịch vụ tài chính ở nước sở tại;

- b) Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo;
- c) Đối với các hoạt động ủy quyền liên quan đến các hoạt động nêu tại điểm a và b Điều 39 Điều lệ này, toàn bộ chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu phải được quản lý độc lập với các bộ phận khác của bên nhận ủy quyền và phải được lưu trữ tại Việt Nam. Hoạt động đại lý chuyển nhượng của mỗi quỹ chỉ được ủy quyền cho duy nhất một tổ chức thực hiện và phải được thực hiện tại Việt Nam;
- d) Phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới khách hàng và đối tác của công ty quản lý.
- e) Có trách nhiệm cung cấp cho công ty quản lý quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của công ty quản lý quỹ theo quy định (nếu có).

Điều 42. Trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

42.1 Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với Quỹ;

42.2 Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, công ty quản lý quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền bảo đảm bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn;

42.3 Định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của quỹ. Công ty quản lý quỹ bằng chi phí của mình được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này;

42.4 Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;

42.5 Xây dựng có quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;

42.6 Công ty quản lý quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh trong phạm vi ủy quyền. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư;

42.7 Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;

42.8 Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.

42.9 Tối thiểu một năm một lần, công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động ủy quyền với các nội dung sau:

- a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ;
- b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ;
- c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền;
- d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Điều 43. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

43.1 Quyền và nghĩa vụ tổ chức cung cấp dịch vụ sẽ chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Hợp đồng ủy quyền bị thanh lý hay hết hạn;
- b) Tổ chức nhận ủy quyền tạm ngừng, chấm dứt hoạt động, giải thể, tuyên bố phá sản;
- c) Khi tổ chức nhận ủy quyền không còn thỏa mãn quy định tại điều 41.2 và theo đề nghị bằng văn bản của công ty quản lý quỹ;
- d) Ngân hàng giám sát bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Luật Chứng khoán;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật

43.2 Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 43 của Điều lệ này, quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ cho Quỹ sẽ được chuyển giao cho tổ chức cung cấp dịch vụ khác được chấp thuận của Công ty quản lý Quỹ.

Chương IX: Đại lý phân phối, đại lý ký danh

Điều 44. Đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ mở

Đại lý phân phối do Công ty Quản lý quỹ lựa chọn phải được phép và có địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ mở theo đúng quy định.

Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thẩm định cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư. Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất của đại lý, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở công ty quản lý quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu. Công ty quản lý quỹ phải thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động của đại lý phân phối là phù hợp với quy định của pháp luật và các điều khoản tại hợp đồng phân phối.

Trường hợp đại lý phân phối chấm dứt hoạt động, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo trước cho nhà đầu tư về các đại lý phân phối thay thế. Trường hợp địa điểm phân phối chấm dứt hoạt động, đại lý phân phối có trách nhiệm thông báo trước cho công ty quản lý quỹ và nhà đầu tư, đồng thời chỉ định địa điểm phân phối thay thế.

Công ty quản lý quỹ được phân phối chứng chỉ quỹ mở do mình quản lý. Trong trường hợp này, công ty phải bảo đảm:

- a) Việc chào bán, phát hành được thực hiện tại trụ sở chính của công ty và các địa điểm kinh doanh hợp pháp khác của công ty. Việc thực hiện thông qua Internet, điện thoại, fax, email tuân thủ theo các quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực chứng khoán;
- b) Các nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ không được kiêm nhiệm, làm việc tại các bộ phận quản lý tài sản, phân tích đầu tư, kiểm soát nội bộ.

Điều 45. Hoạt động của đại lý phân phối

Hoạt động của đại lý phân phối và đại lý ký danh phải tuân thủ quy định của pháp luật:

Chức năng của đại lý ký danh phải được nêu đầy đủ tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt.

Điều 46. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ

Đại lý phân phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với nhà đầu tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để nhà đầu tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho nhà đầu tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho nhà đầu tư.

Nhân viên phân phối chỉ chào bán chứng chỉ quỹ sau khi nhà đầu tư đã được cung cấp đầy đủ Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, hợp đồng dẫn chiếu trong Bản cáo bạch, các báo cáo mới nhất về hoạt động của quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho nhà đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của quỹ, chiến lược đầu tư của quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác; cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ.

Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho nhà đầu tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường

Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của chứng chỉ quỹ đó. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ mở khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để nhà đầu tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ có mức độ

rủi ro cao trong trường hợp nhà đầu tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của nhà đầu tư.

Đại lý phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về nhà đầu tư, thông tin về giao dịch của nhà đầu tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được nhà đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Đại lý phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch chứng chỉ quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ công ty quản lý quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ, ngoài các mức phí đã được công bố tại các Bản cáo bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với công ty quản lý quỹ.

Đại lý phân phối không được phân phối chứng chỉ quỹ tại các địa điểm kinh doanh chưa đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc chưa thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đại lý phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ khi phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư.

Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của công ty quản lý quỹ và đại lý phân phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của công ty quản lý quỹ.

Chương X: Kiểm Toán, Kế Toán Và Chế Độ Báo Cáo

Điều 47. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán

Hàng năm Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai Công ty Kiểm toán có uy tín và kinh nghiệm nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận cho Ban đại diện quỹ xem xét và lựa chọn theo sự ủy quyền của Đại hội nhà đầu tư. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- a) Không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát;
- b) Nằm trong danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận của UBCKNN được công bố hàng năm;
- c) Có uy tín và kinh nghiệm kiểm toán cho các quỹ đầu tư

Điều 48. Năm tài chính

48.1 Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

48.2 Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 49. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định được cụ thể trong chính sách kế toán do công ty quản lý quỹ soạn lập và được Ban đại diện quỹ thông qua.

Điều 50. Báo cáo tài chính

Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.

Các báo cáo tài chính sẽ được kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban đại diện quỹ và công bố công khai trên website của công ty quản lý quỹ để nhà đầu tư có thể tham khảo.

Điều 51. Báo cáo khác

Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của UBCKNN về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

Chương XI: Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ

Điều 52. Xác định giá trị tài sản ròng

Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trên cơ sở giá thị trường hoặc giá hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ.

Danh sách của tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá, không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát, phải được Ban đại diện quỹ thông qua.

Trong thời hạn không quá ba (03) ngày, kể từ ngày định giá, giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, đại lý phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trên cơ sở giá cung cấp bởi các tổ chức cung cấp báo giá. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính chính xác.

Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ 1 (một) tuần một lần hoặc ngắn hơn theo quyết định của Công ty Quản lý quỹ và phải được thông báo công khai trên các phương tiện công bố thông tin

của Công ty Quản lý Quỹ cho nhà đầu tư sau khi có xác nhận của Ngân hàng giám sát và có giá trị cho đến khi có thông báo mới.

Trong thời hạn ba (03) ngày, kể từ ngày giá trị tài sản ròng của quỹ giảm năm mươi phần trăm (50%) so với mức vốn huy động ban đầu, hoặc giảm xuống thấp hơn ba mươi (30) tỷ đồng, công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đề xuất phương án khắc phục. Trường hợp giá trị tài sản ròng của quỹ giảm xuống thấp hơn mười (10) tỷ đồng trong sáu (06) tháng liên tục, công ty quản lý quỹ phải thanh lý tài sản để giải thể quỹ theo quy định

Các quy định khác theo quy định của Điều lệ.

Điều 53. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định bằng tổng giá trị thị trường các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ, bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá. Trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, hoặc giá thị trường có nhiều biến động theo quy định nội bộ của công ty, công ty quản lý quỹ được sử dụng giá trị hợp lý xác định theo nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản đã được quy định chi tiết sổ tay định giá của quỹ do Công ty quản lý xây dựng theo quy định của pháp luật và đã được ngân hàng giám sát xác nhận.

Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của quỹ được hạch toán vào quỹ.

Chính sách định giá các tài sản của Quỹ sẽ được quy định chi tiết trong sổ tay định giá do Công ty quản lý quỹ xây dựng phù hợp với Điều lệ quỹ và các quy định có liên quan và đồng thời được Ban đại diện quỹ thông qua và được Ngân hàng giám sát xác nhận.

Điều 54. Quy trình định giá tài sản quỹ

Quy trình định giá tài sản của Quỹ như sau:

- a) Công ty Quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trên cơ sở giá cung cấp bởi các tổ chức cung cấp báo giá. Trường hợp Công ty quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng, thì Công ty Quản lý quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính chính xác.
- b) Ngân hàng giám sát xác nhận giá trị tài sản ròng của Quỹ và giá trị ròng trên một đơn vị quỹ. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng giám sát đã được Công ty quản lý quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công ty quản lý quỹ điều chỉnh kịp thời trong vòng hai mươi bốn (24) giờ.

Điều 55. Đền bù thiệt hại cho nhà đầu tư, quỹ

55.1 Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho quỹ, nhà đầu tư thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ mà chịu thiệt hại trong trường hợp giá trị tài sản ròng của quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót đạt từ 0,75% giá trị tài sản ròng trở lên trong trường hợp quỹ trái phiếu;

55.2 Trong trường hợp quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho quỹ và cho nhà đầu tư được xác định như sau:

- a) Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ trước thời gian quỹ bị định giá sai và bán chứng chỉ trong thời gian quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ nhà đầu tư đã bán;
- b) Đối với quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ mà quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành;

55.3 Trong trường hợp quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho quỹ và cho nhà đầu tư được xác định như sau:

- a) Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ trong thời gian quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ nhà đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai;
- b) Đối với quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ mà quỹ đã phát hành ra trước thời gian quỹ bị định giá sai và quỹ đã mua lại trong thời gian đó.

55.4 Trường hợp mức đền bù cho mỗi nhà đầu tư theo quy định tại điểm 2 và 3 Điều này nhỏ hơn 100.000 (một trăm ngàn) đồng, thì khoản đền bù này sẽ được ghi nhận vào thu nhập của Quỹ thay vì thanh toán cho nhà đầu tư.

55.5 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và/ hoặc Điều lệ quỹ có liên quan.

Điều 56. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

56.1 Danh sách của tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá, không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát, phải được Ban đại diện quỹ thông qua.

56.2 Việc lựa chọn và thay đổi tổ chức cung cấp báo giá do Công ty quản lý quỹ đề xuất để Ban đại diện quỹ quyết định.

Chương XII: Lợi Nhuận Và Chi Phí Quản Lý

Điều 57. Lợi nhuận của quỹ

57.1 Công ty quản lý quỹ được phân chia lợi nhuận của quỹ cho nhà đầu tư theo chính sách phân phối lợi nhuận đã được công bố tại Bản cáo bạch. Công ty quản lý quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ.

57.2 Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng đơn vị quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng đơn vị quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban đại diện quỹ (nếu đại hội nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban đại diện quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều lệ quỹ) hoặc được quy định cụ thể tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch.

57.3 Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư.

57.4 Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty quản lý quỹ phải gửi cho nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận quỹ, bao gồm các nội dung sau:

- a) Phương pháp phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng đơn vị quỹ);
- b) Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
- c) Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng đơn vị quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng đơn vị quỹ);
- d) Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
- e) Các ảnh hưởng tác động tới giá trị tài sản ròng của quỹ

57.5 Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận quỹ, phân chia tài sản của quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại các Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung.

57.6 Trường hợp nhà đầu tư đã chuyển nhượng số đơn vị quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách nhà đầu tư và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.

57.7 Vì quyền lợi của nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ có thể quyết định không phân chia lợi nhuận của quỹ cho nhà đầu tư. Ban đại diện quỹ sẽ chịu trách nhiệm giải trình trước đại hội nhà đầu tư về quyết định liên quan đến chính sách lợi nhuận của quỹ.

Điều 58. Chi phí hoạt động của quỹ

58.1 Chi phí quản lý tài sản trả cho Công ty quản lý quỹ: Phí quản lý được tính bằng 1% trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ và được Quỹ thanh toán hàng tháng cho Công ty quản lý Quỹ. Số phí thu hàng tháng là tổng số phí được tính cho các kỳ định giá trong tháng.

$$\text{Phí quản lý của kỳ định giá} = (1\% \times \text{NAV tại ngày định giá} \times \text{số ngày thực tế trong kỳ}) / 365$$

58.2 Chi phí thưởng hoạt động: Quỹ VFF không áp dụng chính sách thưởng hoạt động.

58.3 Chi phí lưu ký tài sản quỹ, chi phí giám sát trả cho Ngân hàng giám sát: Phí lưu ký tài sản, giám sát và giao dịch sẽ được Quỹ thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng giám sát cho dịch vụ lưu ký, giám sát và giao dịch tài sản Quỹ. Số phí thu hàng tháng là tổng số phí được tính cho các kỳ định giá trong tháng.

- a) Phí giám sát và phí lưu ký của kỳ định giá bằng tỉ lệ % phí giám sát/ phí lưu ký thường niên nhân cho số ngày thực tế trong kỳ chia cho 365 ngày. Mức phí giám sát và phí lưu ký thường niên là 0.08% NAV;

b) Mức phí trên không bao gồm các chi phí như chi phí lưu ký phải trả cho Trung tâm lưu ký.

58.4 Chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan.

58.4 Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán.

58.5 Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban đại diện quỹ.

58.6 Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ.

58.7 Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ;

58.8 Mức phí cho từng dịch vụ được chi tiết trong hợp đồng dịch vụ có liên quan và được công bố trong Bản cáo bạch của Quỹ. Chi phí tối thiểu cho các dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ và đại lý chuyển nhượng phải trả cho Ngân hàng HSBC là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng một tháng.

58.9 Tổng các chi phí: bao gồm phí quản lý tài sản thanh toán cho công ty quản lý quỹ, chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng thanh toán cho tổ chức cung cấp dịch vụ ủy quyền thực tế phát sinh không được vượt quá 2% giá trị tài sản ròng (bình quân theo tần suất định giá) của quỹ một năm.

Chương XIII: Tái Cơ Cấu Quỹ

Điều 59. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập

Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định, được đại hội nhà đầu tư thông qua và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 60. Các điều kiện tách quỹ

60.1 Việc tách quỹ phải được đại hội nhà đầu tư chấp thuận và trong các trường hợp sau:

- a) Công ty quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ mở vào ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;
- b) Các sự kiện khác do Điều lệ quỹ quy định hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.

60.2 Việc tách quỹ phải được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 61. Các điều kiện giải thể quỹ

61.1 Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

- a) Công ty quản lý quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban đại diện quỹ không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;

- b) Ngân hàng giám sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát hoặc bị công ty quản lý quỹ chấm dứt hợp đồng giám sát; hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà công ty quản lý quỹ không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
- c) Quỹ kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ quỹ và trong Giấy Chứng nhận đăng ký lập quỹ mà không được gia hạn (đối với Quỹ có thời hạn hoạt động);
 - Giải thể quỹ theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
 - Giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới ba mươi (30) tỷ liên tục trong sáu (06) tháng;
 - Công ty Quản Lý Quỹ được quyền giải thể Quỹ khi trường hợp giá trị tài sản ròng xuống dưới 50 tỷ đồng.
- d) Công ty quản lý quỹ yêu cầu thanh lý hợp đồng khi giá trị tài sản ròng giảm dưới 50 tỷ đồng mà Ban đại diện quỹ không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;

61.2 Việc thanh lý giải thể quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương XIV: Giải Quyết Các Xung Đột Về Lợi Ích

Điều 62. Kiểm soát xung đột lợi ích.

Công ty Quản lý Quỹ phải giữa Quý và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty quản lý quỹ và giữa Quý và công ty quản lý quỹ:

- a) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
- b) Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty quản lý Quỹ quản lý.
- c) Các quy định khác tại điều 31.1 và 34.5 của Điều lệ quỹ này.

Chương XV: Công Bố Thông Tin Và Sửa Đổi, Bổ Sung Điều Lệ

Điều 63. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho nhà đầu tư

Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được thực hiện theo quy định của UBCKNN.

Thông báo triệu tập phiên họp Ban đại diện quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban đại diện quỹ nếu được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban đại diện hoặc được gửi bằng văn bản đến địa chỉ do thành viên Ban đại diện quỹ đã thông báo cho Quỹ.

Mọi thông báo hoặc tài liệu khác phải được phát hành và chuyển cho nhà đầu tư sẽ do Công ty quản lý quỹ gửi trực tiếp đến cá nhân hoặc gửi qua bưu điện có dán tem đến địa chỉ do nhà đầu tư đăng ký. Nhà đầu tư phải thông báo bằng văn bản chính thức cho công ty quản lý quỹ biết khi thay đổi địa chỉ chính thức của mình.

Mọi thông báo gửi qua bưu điện được xem là gửi đến địa chỉ đăng ký của nhà đầu tư một tuần lễ sau ngày gửi. Khi chứng minh điều này chỉ cần có đủ bằng chứng rằng bản thông báo đã được gửi qua bưu điện có dán tem đến địa chỉ do nhà đầu tư đăng ký.

Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quý hoặc người điều hành của Quý có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quý đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quý hay người điều hành quý nhận.

Công ty quản lý quỹ thực hiện việc công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 64. Sửa đổi, bổ sung điều lệ

Điều lệ quỹ chỉ được bổ sung và sửa đổi khi có sự phê duyệt của Đại hội Nhà đầu tư. Ngoại trừ một số nội dung sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ quỹ không phải xin ký kiến đại hội nhà đầu tư;

- a) Việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh do có sự thay đổi quy định pháp lý, kể cả những thay đổi được chấp thuận bởi UBCKNN.
- b) Lỗi ngữ pháp, lỗi chính tả, văn phạm tại Điều lệ quỹ

Điều 65. Đăng ký điều lệ

Bản Điều lệ này bao gồm 15 Chương, 66 Điều và 03 Phụ lục được Đại hội Nhà đầu tư của Quý thông qua và UBCKNN phê duyệt và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2012.

Các bản trích hay sao y của bản Điều lệ này do Quý cấp phải có chữ ký của Chủ tịch Ban đại diện quỹ hoặc người đại diện theo pháp luật của công ty quản lý quỹ thì mới có giá trị.

Điều lệ này được lập thành 07 bản chính có giá trị như nhau bằng tiếng Việt Nam:

- a) 02 bản đăng ký tại các cơ quan Nhà nước theo luật định.
- b) 04 bản lưu tại văn phòng của công ty quản lý quỹ VinaWealth
- c) 01 bản lưu tại văn phòng của Ngân hàng giám sát.

Điều 66. Điều khoản thi hành

Quý được chính thức thành lập sau khi UBCKNN cấp giấy đăng ký lập Quý và niêm yết chứng chỉ quỹ. Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Các Phụ lục Đính Kèm

Phụ lục số 1: Cam Kết Của Công Ty Quản lý Quỹ

Phụ lục số 2: Cam Kết của Ngân hàng giám sát

Phụ lục số 3: Cam Kết Chung của Công ty QLQ và NHGS

Phụ lục số 1

CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ: **Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaWealth (VinaWealth)**

- Giấy phép thành lập và hoạt động số 31/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 14 tháng 4 năm 2008;
- Giấy phép điều chỉnh số: 33/GPĐC-UBCK cấp ngày 20 tháng 04 năm 2012

VinaWealth cam kết thực hiện các điều sau đây:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động quản lý quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho NHGS các khoản phí và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho ngân hàng giám sát các thông tin sau:
 - a. Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của quỹ, sổ đăng ký nhà đầu tư và số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư nắm giữ;
 - b. Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c. Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ;
 - d. Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác .
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính VinaWealth hoặc những người có liên quan đến VinaWealth có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của VinaWealth trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của ngân hàng giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của VinaWealth cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được VinaWealth hoặc người đại diện VinaWealth công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho nhà đầu tư.
13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
14. Báo cáo kịp thời cho UBCKNN trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ giữa VinaWealth và NHGS không thống nhất.
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội người đầu tư quỹ theo quy định của pháp luật.

Tổng Giám đốc VinaWealth

Subastian Subba

Phụ lục số 2
CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát: **Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC Việt Nam (HSBC)**

- Giấy phép thành lập số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008;
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số 18/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 18 tháng 03 năm 2008 và công văn số 2369/UBCK – QLKD do UBCKNN cấp ngày 17/12/2008 về việc chấp thuận chuyển đổi giấy chứng nhận hoạt động lưu ký cho Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)

Ngân hàng giám sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quý luôn luôn có một công ty quản lý quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng ngân hàng giám sát đối với Quý.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quý thay cho các nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ với công ty quản lý quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.
5. Tách biệt tài sản của quỹ khỏi tài sản của ngân hàng giám sát, tài sản của công ty quản lý quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của ngân hàng giám sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quý, việc định giá tài sản quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để công ty quản lý quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư.
8. Thực hiện nghĩa vụ ghi chép và theo dõi tất cả các giao dịch, các khoản lãi, cổ tức và thu nhập được nhận hoặc phân phối của Quý.
9. Đảm bảo Quý được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

Đại diện Ngân hàng Giám sát

Vinith Rao

Giám Đốc Kiêm Phó Chủ Tịch Cao Cấp

Bộ Phận Nghiệp Vụ Chứng Khoán

Ngày:

Phụ lục số 3

**CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

Công ty Quản lý Quỹ: **Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaWealth (VinaWealth)**

- Giấy phép thành lập và hoạt động số 31/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 14 tháng 4 năm 2008;
- Giấy phép điều chỉnh số: 33/GPĐC-UBCK cấp ngày 20 tháng 04 năm 2012

Ngân hàng giám sát: **Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC Việt Nam (HSBC)**

- Giấy phép thành lập số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008;
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số 18/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 18 tháng 03 năm 2008 và công văn số 2369/UBCK – QLKD do UBCKNN cấp ngày 17/12/2008 về việc chấp thuận chuyển đổi giấy chứng nhận hoạt động lưu ký cho Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)

VinaWealth và HSBC cùng cam kết:

1. Thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các nhà đầu tư;
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ;
3. Thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn;
4. Không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch.

Đại diện VinaWealth	Đại diện Ngân hàng HSBC
Subastian Subba Tổng Giám đốc của VinaWealth Ngày: 28/08/2012	Vinith Rao Giám Đốc Kiêm Phó Chủ Tịch Cao Cấp Bộ Phận Nghiệp Vụ Chứng Khoán Ngày:

Phụ lục số 4

1. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ VFF

I. Nguyên tắc chung

Công ty Quản lý quỹ VinaWealth có trách nhiệm xây dựng phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ VFF với nội dung chi tiết như sau:

- a. Nguyên tắc, quy trình chi tiết thực hiện các phương pháp định giá phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ và thông lệ quốc tế;
- b. Nguyên tắc, quy trình chi tiết thực hiện các phương pháp định giá quy định tại điểm a nêu trên phải rõ ràng, hợp lý để áp dụng thống nhất trong các điều kiện thị trường khác nhau, phải được ngân hàng giám sát xác nhận và ban đại diện quỹ và/ hoặc đại hội nhà đầu tư phê chuẩn theo đúng quy định tại điều lệ quỹ và quy định có liên quan.

II. Phương pháp xác định GTTSR cho một số loại tài sản chủ yếu của Quỹ VFF như sau:

A. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ

1. Tiền đồng Việt Nam: Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
2. Ngoại tệ: Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3. Tiền gửi kỳ hạn: Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4. Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu: Giá mua công nợ với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá

Công ty CP Quản lý Quỹ VinaWealth
Lầu 17, Tòa nhà Sun Wah
115 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84 – 8) 3827 8535
Fax: (84 – 8) 3827 8535
Vinawealth.com.vn

B. Trái Phiếu

1. Trái phiếu niêm yết: Giá yết bình quân trên hệ thống khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế. Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:
 - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
 - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
2. Trái phiếu không niêm yết:
 - Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cưỡng phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc
 - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
 - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc

- Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận

C. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch: giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá (khớp định kỳ) hoặc giá giao dịch bình quân của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá (khớp lệnh liên tục hoặc giao dịch trên thị trường Upcom). Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- Giá trị sổ sách; hoặc
- Giá mua; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.

2. Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch: Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, là một trong các mức giá sau:

- Giá trung bình từ các báo giá; hoặc
- Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá;
- Giá trị sổ sách; hoặc
- Giá mua; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.

3. Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch:

Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, là một trong các mức giá sau:

- Giá trung bình từ các báo giá;
- Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá;
- Giá trị sổ sách;
- Giá mua; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.

4. Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch: Là một trong các mức giá sau:

- Giá trị sổ sách; hoặc
- Mệnh giá; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.

5. Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản: Là một trong các mức giá sau:
 - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
6. Cổ phần, phần vốn góp khác
 - Giá trị sổ sách; hoặc
 - Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.

D. Các tài sản được phép đầu tư khác

Giá xác định theo phương pháp do công ty quản lý quỹ xây dựng, được ngân hàng giám sát xác nhận và được ban đại diện quỹ chấp thuận.

III. Ghi chú:

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo;
- Tại phần này của Phụ lục, ngày được hiểu là ngày theo lịch.